

Số: 31 /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định về hoạt động của công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng,
nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về
hoạt động của công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng trong lĩnh vực
quản lý nợ và khai thác tài sản.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoạt động của công ty con, công ty liên kết của
ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính chuyên ngành
trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

- Công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại, công ty tài chính
tổng hợp, công ty tài chính chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác
tài sản (sau đây gọi là công ty quản lý nợ).
- Ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính
chuyên ngành có công ty quản lý nợ quy định tại khoản 1 Điều này (sau đây gọi
là tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ).
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động của công ty quản lý nợ.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

Công ty quản lý nợ, tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ khi thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Công ty quản lý nợ chỉ được thực hiện các hoạt động quy định tại Điều 4 Thông tư này. Tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ, công ty quản lý nợ chịu trách nhiệm về các hoạt động của công ty quản lý nợ đảm bảo phù hợp với phạm vi hoạt động quy định tại Thông tư này.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động mua, bán nợ, tài sản bảo đảm của khoản nợ, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công ty quản lý nợ, tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Công ty quản lý nợ là công ty con của tổ chức tín dụng chỉ được mua nợ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ đó được thực hiện hoạt động mua nợ theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ đó có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% theo kỳ phân loại gần nhất theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước thời điểm ký hợp đồng mua nợ, trừ trường hợp mua nợ theo phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (sau đây gọi là phương án cơ cấu lại) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Hợp đồng mua, bán nợ không trái với nội dung quy định tại hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm đã ký kết giữa bên bán nợ, khách hàng và bên bảo đảm.

6. Công ty quản lý nợ chỉ được quản lý nợ, xử lý nợ, quản lý tài sản bảo đảm của khoản nợ, khai thác tài sản theo ủy quyền của tổ chức tín dụng quy định tại điểm a, b khoản này (sau đây gọi là Bên ủy quyền) và mua tài sản bảo đảm của Bên ủy quyền. Bên ủy quyền bao gồm:

a) Tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ đó;

b) Tổ chức tín dụng là công ty con của tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ.

Quy định tại điểm này chỉ áp dụng trong trường hợp công ty quản lý nợ là công ty con của tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ NỢ VÀ QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ NỢ, BÊN ỦY QUYỀN

Điều 4. Hoạt động của công ty quản lý nợ

Công ty quản lý nợ được thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Quản lý nợ, xử lý nợ theo ủy quyền của Bên ủy quyền theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.
2. Quản lý, khai thác tài sản bảo đảm của khoản nợ theo ủy quyền của Bên ủy quyền theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.
3. Khai thác tài sản theo ủy quyền của Bên ủy quyền thông qua việc cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của Bên ủy quyền chưa sử dụng hết phù hợp với quy định tại Điều 139 Luật Các tổ chức tín dụng.
4. Mua, bán nợ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.
5. Mua tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.
6. Các hoạt động xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khác theo phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
7. Định giá tài sản bảo đảm của khoản nợ trong quá trình thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1, 2, 4, 5 và 6 Điều này.

Điều 5. Khoản nợ được xử lý trong hoạt động của công ty quản lý nợ

1. Công ty quản lý nợ thực hiện quản lý nợ, khai thác tài sản quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Thông tư này đối với các khoản nợ là:
 - a) Khoản nợ quá hạn, khoản nợ xấu bao gồm nợ xấu đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán, nợ xấu đã sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nhưng chưa thu hồi được nợ và đang theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là khoản nợ xấu);
 - b) Khoản nợ mà Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ủy quyền cho Bên ủy quyền.

Công ty quản lý nợ thực hiện quản lý nợ, khai thác tài sản đối với khoản nợ mà Công ty quản lý tài sản của tổ chức tín dụng Việt Nam ủy quyền cho Bên ủy quyền theo quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, phù hợp với quy định về ủy quyền lại tại Bộ luật Dân sự.

2. Công ty quản lý nợ thực hiện mua, bán các khoản nợ quy định tại khoản 4 Điều 4 phát sinh từ nghiệp vụ cho vay, khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh, khoản phải thu từ hợp đồng cho thuê tài chính là khoản nợ quá hạn, khoản nợ xấu.

Điều 6. Hoạt động quản lý, xử lý nợ, quản lý, khai thác tài sản bảo đảm theo ủy quyền của Bên ủy quyền

1. Hoạt động quản lý nợ, khai thác tài sản của công ty quản lý nợ theo ủy quyền của Bên ủy quyền đối với các khoản nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này bao gồm:

a) Tiếp nhận các khoản nợ; tiếp nhận, thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ để xử lý, thu hồi nợ theo quy định của pháp luật;

b) Quản lý, xử lý nợ đã tiếp nhận thông qua các hình thức: theo dõi, đôn đốc, trực tiếp thu hồi nợ, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ; bán nợ cho tổ chức, cá nhân khác và các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Quản lý, xử lý tài sản bảo đảm đã tiếp nhận thông qua các hình thức: kiểm tra, trông giữ; bán tài sản bảo đảm và các phương thức khác theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo đảm phù hợp quy định pháp luật; khai thác, sử dụng tài sản bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

d) Thực hiện các hoạt động khác liên quan đến việc tiếp nhận, quản lý, xử lý khoản nợ, khai thác và xử lý tài sản bảo đảm theo ủy quyền của Bên ủy quyền theo quy định của pháp luật.

2. Việc ủy quyền của Bên ủy quyền để thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành hợp đồng ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật, hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm (nếu có) giữa tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ đó với khách hàng và các bên liên quan khác.

Điều 7. Hoạt động mua, bán nợ

1. Hoạt động mua, bán nợ của công ty quản lý nợ đối với các khoản nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này bao gồm:

a) Mua nợ của chính tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ đó theo phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Mua nợ của tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ khoản nợ mà tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ hoặc tổ chức tín dụng là công ty con của tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ đã bán cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó;

c) Mua nợ của công ty quản lý nợ khác, trừ khoản nợ mà tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ hoặc tổ chức tín dụng là công ty con của tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ đã bán cho công ty quản lý nợ khác đó;

d) Bán nợ cho tổ chức khác, cá nhân, trừ trường hợp bán nợ cho công ty con khác của cùng tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ.

2. Việc mua, bán nợ của công ty quản lý nợ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành hợp đồng mua, bán nợ phù hợp với quy định của pháp luật, hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm (nếu có).

Điều 8. Hoạt động mua tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu

1. Công ty quản lý nợ là công ty con của tổ chức tín dụng không được kinh doanh bất động sản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Công ty quản lý nợ là công ty con của tổ chức tín dụng chỉ được mua tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của Bên ủy quyền trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu để thu hồi nợ.

3. Khi mua tài sản bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều này, công ty quản lý nợ phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Tổng giá mua của các tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu theo quy định tại Điều 5 Thông tư này không được vượt quá vốn điều lệ của công ty quản lý nợ đó;

b) Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày mua tài sản bảo đảm là bất động sản, công ty quản lý nợ phải bán, chuyển nhượng tài sản bảo đảm này. Trường hợp nắm giữ quá 05 năm, công ty quản lý nợ không được mua thêm bất kỳ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của Bên ủy quyền.

Điều 9. Quy định nội bộ

1. Trên cơ sở quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan, công ty quản lý nợ phải xây dựng quy định nội bộ về hoạt động quản lý nợ, khai thác tài sản và mua, bán nợ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ, công ty quản lý nợ gửi 01 bản quy định nội bộ về hoạt động quản lý nợ, khai thác tài sản và mua, bán nợ cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đơn vị trực thuộc công ty quản lý nợ đặt trụ sở.

2. Quy định nội bộ của công ty quản lý nợ về hoạt động quản lý nợ, khai thác tài sản và mua, bán nợ phải có tối thiểu các nội dung sau:

- a) Quy trình tiếp nhận, quản lý, xử lý khoản nợ đã tiếp nhận;
- b) Quy trình tiếp nhận, quản lý, xử lý tài sản bảo đảm đã tiếp nhận;
- c) Quy trình mua, bán nợ đối với từng đối tượng mà công ty quản lý nợ thực hiện mua, bán nợ quy định tại Điều 7 Thông tư này;
- d) Quy trình quản trị rủi ro đối với hoạt động quản lý nợ; khai thác tài sản; mua, bán nợ;
- đ) Trách nhiệm và nghĩa vụ của từng bộ phận, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện hoạt động, nghiệp vụ của công ty quản lý nợ.

Điều 10. Quyền, nghĩa vụ của công ty quản lý nợ

- 1. Thực hiện các hoạt động theo quy định tại Thông tư này.
- 2. Cung cấp các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản cho tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ đó khi có yêu cầu.
- 3. Xây dựng và ban hành quy định nội bộ phù hợp với quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.
- 4. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên ủy quyền

1. Quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty quản lý nợ, đảm bảo công ty quản lý nợ hoạt động theo đúng quy định tại Thông tư này.
2. Thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng, minh bạch các hợp đồng, giao dịch khác với công ty quản lý nợ phù hợp với quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.
3. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

Điều 12. Báo cáo

1. Công ty quản lý nợ phải gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng), đơn vị trực thuộc công ty quản lý nợ (nếu có) phải gửi báo cáo hoạt động cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đơn vị trực thuộc công ty quản lý nợ đặt trụ sở khi có yêu cầu.
2. Công ty quản lý nợ phải báo cáo hoạt động mua, bán nợ cho tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ để thực hiện quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về báo cáo thống kê đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Điều 13. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có trách nhiệm tiếp nhận quy định nội bộ về hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản của công ty quản lý nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và khoản 4, 5 Điều 14 Thông tư này.
2. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm trong việc thực hiện hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản của công ty quản lý nợ theo thẩm quyền và theo quy định pháp luật.
3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm trong việc thực hiện hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản của đơn vị trực thuộc của công ty quản lý nợ trên địa bàn theo thẩm quyền và theo quy định pháp luật.
4. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm cả tình hình thực hiện hoạt động mua, bán nợ của công ty quản lý nợ của tổ chức tín dụng.
5. Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng có trách nhiệm xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2025.
2. Thông tư này bãi bỏ Quyết định số 1390/2001/QĐ-NHNN ngày 07/11/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của công ty quản lý nợ trực thuộc ngân hàng thương mại.
3. Các công ty quản lý nợ được thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành phải xây dựng phương án xử lý để đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư này, trong đó tối thiểu có các nội dung sau:
 - a) Các nội dung hoạt động chưa tuân thủ theo quy định;
 - b) Các biện pháp, kế hoạch xử lý và lộ trình để đảm bảo tuân thủ các quy định tại Thông tư này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
4. Trong thời gian tối đa 60 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, công ty quản lý nợ được thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành phải gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính phương án xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều này cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý giám sát tổ chức tín dụng) để theo dõi, giám sát.
5. Sau thời điểm quy định tại khoản 3 Điều này, các công ty quản lý nợ không đáp ứng được quy định tại Thông tư này phải chấm dứt hoạt động. Tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý giám sát tổ chức tín dụng) về việc công ty quản lý nợ đã đáp ứng quy định tại Thông tư này hoặc đã chấm dứt hoạt động.
6. Hợp đồng mua, bán nợ và hợp đồng thực hiện các giao dịch khác (nếu có) giữa công ty quản lý nợ và khách hàng ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết. Việc sửa đổi, bổ sung các hợp đồng này phải phù hợp với quy định tại Thông tư này.

Điều 15. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; các tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ; công ty quản lý nợ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 15;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, ATHT1 (03 bản).

K/ **THỐNG ĐỐC**
PHÓ THÔNG ĐỐC



Đoàn Thái Sơn